



PHẠM TRÙ THỜI CỦA ĐỘNG TỪ TIẾNG NGA VÀ MỘT SỐ CÁCH DIỄN ĐẠT Ý NGHĨA TƯƠNG TỰ TRONG TIẾNG VIỆT

Nguyễn Tình*

Trường Đại học Ngoại Ngữ, Đại học Huế, 57 Nguyễn Khoa Chiêm, Tp. Huế, Việt Nam

* Tác giả liên hệ: Nguyễn Tình <nguyentinh@hueuni.edu.vn>

(Ngày nhận bài: 29-03-2021; Ngày chấp nhận đăng: 24-06-2021)

Tóm tắt: Thực tế giảng dạy tiếng Nga cho thấy, phần lớn sinh viên Việt Nam gặp rất nhiều khó khăn trong việc chuyển dịch các phạm trù ngữ pháp của động từ tiếng Nga sang tiếng Việt. Sở dĩ như vậy là vì, động từ trong tiếng Nga có hầu hết các phạm trù ngữ pháp cơ bản, trong khi đó động từ trong tiếng Việt hầu như không có các phạm trù ngữ pháp này. Để giúp người học giải quyết được khó khăn trên, cần phải tiến hành khảo sát trên các văn bản đã được dịch từ tiếng Nga sang tiếng Việt. Từ đó, xác định rõ các cách diễn đạt ý nghĩa các phạm trù của động từ tiếng Nga sang tiếng Việt. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi sẽ tập trung tìm hiểu các cách diễn đạt ý nghĩa tương tự phạm trù thời của động từ tiếng Nga sang tiếng Việt.

Từ khóa: động từ, phạm trù ngữ pháp, tương tự, diễn đạt, tiếng Nga, tiếng Việt

THE CATEGORY OF TIME FRAME IN RUSSIAN VERBS AND SIMILAR EXPRESSIONS OF MEANING IN VIETNAMESE

Nguyen Tinh

University of Law, Hue University, 57 Nguyen Khoa Chiem St., Hue, Vietnam

* Correspondence to Nguyen Tin <nguyentinh@hueuni.edu.vn>

(Received: March 29, 2021; Accepted: June 24, 2021)

Abstract. The reality of teaching Russian shows that most Vietnamese students have many difficulties in translating grammatical categories of Russian verbs into Vietnamese. This is because verbs in Russian have most of the basic grammatical categories, while verbs in Vietnamese have almost none of these grammatical categories. In order to help learners solve the above difficulties, it is necessary to conduct surveys on texts that have been translated from Russian into Vietnamese. From there, clearly define ways to express the meaning in categories of Russian verbs into Vietnamese. In the scope of this article, we will

focus on the similar meaning expressions in the category of the time frame in Vietnamese from Russian verbs.

Keywords: verbs, grammatical, categories, similar, expression Russian, Vietnamese.

1. Mở đầu

Thực tế giảng dạy tiếng Nga cho thấy, phần lớn sinh viên Việt Nam gặp rất nhiều khó khăn trong việc chuyển dịch các hiện tượng ngữ pháp từ tiếng Nga sang tiếng Việt, đặc biệt là việc chuyển dịch các phạm trù ngữ pháp, trong đó có các phạm trù ngữ pháp của động từ tiếng Nga. Cũng như một số ngôn ngữ thuộc loại hình khuất chiết (biến hình) khác, động từ tiếng Nga có hầu hết các phạm trù ngữ pháp cơ bản như: phạm trù ngôi, phạm trù thời, phạm trù thức, phạm trù thể và phạm trù dạng v.v. Trong khi đó động từ trong tiếng Việt, một ngôn ngữ thuộc loại hình đơn lập (không biến hình), hầu như không có các phạm trù ngữ pháp này. Vậy, các ý nghĩa ngữ pháp của động từ tiếng Nga được chuyển tải sang tiếng Việt như thế nào? Để trả lời cho câu hỏi này, chúng tôi xét thấy cần phải tiến hành khảo sát trên các văn bản đã được dịch từ tiếng Nga sang tiếng Việt. Đây là một trong những cơ sở đáng tin cậy để xác định rõ các cách diễn đạt ý nghĩa các phạm trù ngữ pháp của động từ tiếng Nga sang tiếng Việt. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi sẽ tập trung tìm hiểu các cách diễn đạt ý nghĩa tương tự phạm trù thời của động từ tiếng Nga sang tiếng Việt.

2. Cơ sở lý luận

2.1. Phạm trù ngữ pháp

Theo Nguyễn Thiện Giáp, phạm trù ngữ pháp được hiểu “là thể thống nhất của những ý nghĩa ngữ pháp đối lập nhau, được thể hiện ra ở những dạng thức đối lập nhau” [1, tr. 228]. Hay nói cách khác, phạm trù ngữ pháp là sự khái quát hoá của một loại ý nghĩa ngữ pháp bao gồm ít nhất hai yếu tố đối lập nhau, được thể hiện ra bằng những dấu hiệu hình thức mà nhờ đó ta có thể nhận biết được ý nghĩa ngữ pháp và có giá trị đối với việc kết hợp từ.

2.2. Các đặc điểm phạm trù thời của động từ tiếng Nga

2.2.1. Thời hiện tại

Trong tiếng Nga, cũng như trong hầu hết các ngôn ngữ khác, thời hiện tại được dùng để biểu thị những sự kiện diễn ra cùng với thời điểm nói. Điểm đáng lưu ý là trong tiếng Nga, chỉ những động từ chưa hoàn thành thể mới có dạng thức thì hiện tại.

Dạng thức thì hiện tại được cấu tạo dựa trên thân từ thời hiện tại kết hợp với các biến tố về ngôi, ví dụ :

Động từ *писать* (đọc) có các dạng thức thời hiện tại như sau: (Я) пишу + у = *пишу*; (Ты) пишу + ешь = *пишешь*; (Он/она/оно) пишу + ет = *пишет*; (Мы) пишу + ем = *пишем*; (Вы) пишу + ете = *пишете*; (Они) пишу + ут = *пишут*

Ở dạng thức thì hiện tại, động từ tiếng Nga có thể dùng để biểu thị các hành động hoặc trạng thái: diễn ra cùng thời điểm của lời nói; diễn ra thường xuyên và thuộc về bản tính của sự

vật. Do phạm vi nghiên cứu của bài viết, chúng tôi tập trung trình bày một trong 3 trường hợp trên, đó là: *Hành động hoặc trạng thái diễn ra cùng thời điểm lời nói.*

2.2.2. Thời quá khứ

Trong tiếng Nga, thời quá khứ dùng để biểu thị những sự kiện diễn ra trước thời điểm nói. Dạng thức thời quá khứ được cấu tạo dựa trên thân từ nguyên thể của động từ với sự trợ giúp của phụ tố *-л* hoặc *-z* kết hợp với các biến tố về ngôi. Những động từ có kết thúc bằng *-ть* hoặc *-сць* được thay thế bằng phụ tố *-л*, những động từ có kết thúc bằng *-чь* được thay thế bằng phụ tố *-z* đối với giống đực, ví dụ:

встать => *встал(a/o/u)*; *сесть* => *сел(a/o/u)*; *лечь* => *лез(лa/o/u)*.

Bên cạnh đó còn có dạng thức thời quá khứ giống đực của một số động từ được cấu tạo không có sự tham gia của phụ tố *-л*, ví dụ:

везти = *вез*, *нести* = *нес*, *ослабнуть* = *ослаб*, *умереть* = *умер*

Ngoài ra, đoạn *động tính từ thì quá khứ* cũng được sử dụng để biểu thị các hành động, trạng thái diễn ra trước thời điểm nói. Đoạn *động tính từ thì quá khứ* được cấu tạo bởi trợ động từ *быть* có dạng thức thì quá khứ kết hợp động tính từ ngắn đuôi, ví dụ:

5 мая Круг **был распущен** (М. Шолохов, *Тихий Дон*, Кн.3, с. 20).

Ngày hôm nay tháng Năm, Cơ- rúc **giải tán** (Sông đông êm đềm, Nguyễn Thụy Ứng dịch, Tập 3, tr. 25).

Cũng tương tự, để biểu thị thì quá khứ, trong tiếng Nga còn sử dụng cấu trúc trợ động từ *быть* kết hợp với danh từ hoặc tính từ, ví dụ:

Она (Наташа), видимо, **была** ко всем еще более, чем всегда, в этот день **добра и ласкова** (Л. Н. Толстой, *Война и мир* Кн.1, с. 46).

Hắn là hôm nay đối với mọi người cô ta còn **hiền hòa** và **thân mật** hơn bao giờ hết (Chiến tranh và hòa bình – Cao Xuân Hạo và các dịch giả khác. T1. tr. 176)

Это **был** старый холостяк **Шиншин**, двоюродный брат графини (Л. Н. Толстой, *Война и мир* Кн.1, с. 58)

Đó là **Sinsin**, anh trai họ của Bá tước phu nhân (Chiến tranh và hòa bình – Cao Xuân Hạo và các dịch giả khác. T1. tr. 204).

2.2.3. Thời tương lai

Thời tương lai trong tiếng Nga được dùng để biểu thị những sự kiện diễn ra sau thời điểm nói. Để biểu thị ý nghĩa thời tương lai, động từ tiếng Nga có hai dạng thức: *tương lai đơn* và *tương lai phức*. Đối với các động từ *hoàn thành thể*, để biểu thị thời tương lai có dạng thức *thì tương lai đơn*, còn đối với các động từ *chưa hoàn thành thể*, có dạng thức *thì tương lai phức* tức có sự tham gia của trợ động từ *быть*.

Dạng thức *thì tương lai đơn* được cấu tạo dựa trên thân từ thời tương lai của các động từ *hoàn thành thể* kết hợp với các biến tố về ngôi, ví dụ:

Động từ *написать* (viết) có các dạng thức *thì tương lai đơn* sau: (Я) напиш + у = *напишу*; (Ты) напиш + ешь = *напишешь*; (Он/она/оно) напиш + ет = *напишет*; (Мы) напиш + ем = *напишем*; (Вы) напиш + ете = *напишете*; (Они) напиш + ут = *напишут*

Dạng thức *thì tương lai phức* được cấu tạo từ các động từ chưa hoàn thành thể. Dạng thức này bao gồm các dạng thức ngôi của trợ động từ *быть* kết hợp với dạng nguyên thể của động từ, ví dụ:

Động từ *писать* (viết) có các dạng thức *thì tương lai phức* như sau: (Я) *буду писать*; (Ты) *будешь писать*; (Он/она/оно) *будет писать*; (Мы) *будем писать*; (Вы) *будете писать*; (Они) *будут писать*.

Dạng thức *thì tương lai phức* được dùng để biểu thị những sự kiện diễn ra sau thời điểm nói mà không đề cập đến kết quả của hành động. Dạng thức *thì tương lai đơn* được dùng để biểu thị tính hoàn thành và kết quả của hành động trong tương lai.

Bên cạnh đó, trong một số trường hợp *đoạn động tính từ thì tương lai* cũng được sử dụng để biểu thị các hành động hoặc trạng thái diễn ra sau thời điểm lời nói. Đoạn động tính từ thì tương lai được cấu tạo bởi các dạng thức ngôi của trợ động từ *быть* kết hợp với động tính từ ngắn đuôi, ví dụ:

— *Кто в этих трех днях не сдаст оружие... будет расстрелян* (М. Шолохов, *Тихий Дон* Кн.3, с. 120).

— *Quá hạn ba ngày, ai không nộp vũ khí ...sẽ bị xử bắn* (*Sông đông êm đềm*, Nguyễn Thụy Ứng dịch, Tập 3, tr. 127).

Cũng tương tự, để biểu thị *thì tương lai*, trong tiếng Nga còn sử dụng cấu trúc trợ động từ *быть* kết hợp với danh từ hoặc tính từ, ví dụ:

А потом уж и порешим дело, будем мы сватами аль не будем (М. Шолохов, *Тихий Дон*, Кн.1, с. 75).

Sau đó chúng ta hãy quyết định xem hai nhà có thể kết thông gia với nhau được không (*Sông Đông êm đềm* - Nguyễn Thụy Ứng dịch T.1, tr. 61)

*Старайтесь служить хорошо и быть достойным, – прибавил он (князь Василий), строго обращаясь к Борису. (Л. Н. Толстой, *Война и мир* Кн.1, с. 51)*

Anh hãy nỗ lực làm tròn bốn phận và tỏ ra là một người đứng đắn - Ông quay về phía Bôrix nói thêm, giọng gay gắt (Chiến tranh và hòa bình – Cao Xuân Hạo và các dịch giả khác. T1. tr. 186).

2.3. Vấn đề phạm trù thời của động từ trong tiếng Việt

Có nhiều quan điểm khác nhau về vấn đề phạm trù ngữ pháp của động từ, trong đó có phạm trù thời của động từ trong tiếng Việt. Theo quan điểm của một số nhà nghiên cứu, những sự kiện ngôn ngữ nào của tiếng Việt có thể diễn đạt được những phạm trù ngữ pháp của các động từ thuộc các ngôn ngữ Ấn-Âu đều là những hình thức biểu thị phạm trù ngữ pháp của động từ tiếng Việt. Xuất phát từ quan điểm về hình thức biểu thị ý nghĩa phạm trù ngữ pháp như vậy, các nhà nghiên cứu này cho rằng, cũng giống như động từ trong các ngôn ngữ Ấn-Âu, động từ trong tiếng Việt cũng có thể có các phạm trù ngữ pháp, trong đó có phạm trù thời. Các

nhà nghiên cứu này cho rằng, mặc dù trong tiếng Việt động từ không có các dạng thức ngữ pháp như trong các ngôn ngữ Ấn-Âu, nhưng thay vào đó, tiếng Việt có những *từ chứng* để hỗ trợ động từ biểu thị các dạng thức này. Chẳng hạn, để biểu thị *phạm trù thời*, trong tiếng Việt có các *phụ từ* đi kèm động từ như: *đã, đang, sẽ...*

Trong khi đó, một số nhà nghiên cứu khác, trong số đó có Nguyễn Kim Thành cho rằng, các phạm trù ngữ pháp của động từ trong tiếng Việt không tồn tại [5, tr. 187]. Theo ông, các phụ từ như: *đã, đang, sẽ...* không phải là những phụ từ biểu thị phạm trù thời của động từ, do đó ông không thừa nhận trong tiếng Việt động từ có phạm trù thời. Những trình bày trên cho thấy, chưa có tiếng nói chung về vấn đề phạm trù thời của động từ Tiếng Việt. Sự bất đồng ý kiến ở đây, xét đến cùng là sự bất đồng ý kiến về những phương tiện biểu thị các phạm trù thời của động từ. Việc tìm ra tiếng nói chung cho vấn đề này quả là không dễ. Chính vì vậy mà nhiều nhà nghiên cứu, trong đó có Nguyễn Kim Thành, cho rằng, tiếng Việt là ngôn ngữ đơn lập, có tính chất phân tích tính cao, từ ngữ có tính khái quát cao, từ không bắt buộc phải gắn bó khăng khít với một hay một số phạm trù nhất định thì việc đi tìm và miêu tả các phạm trù ngữ pháp của từ trong đó có động từ, chưa phải là vấn đề cấp thiết. Cho nên các nhà nghiên cứu này đã chủ trương thay việc miêu tả các phạm trù ngữ pháp, trong đó có phạm trù thời của động từ, theo phương pháp truyền thống bằng việc miêu tả cách biểu thị các ý nghĩa ngữ pháp phụ theo động từ tiếng Việt. Chúng tôi đồng tình và ủng hộ chủ trương này. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi sẽ tìm hiểu việc miêu tả các cách diễn đạt ý nghĩa tương tự phạm trù thời của động từ tiếng Nga trong tiếng Việt.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Cách tiếp cận

Trên cơ sở nghiên cứu lý thuyết về đặc điểm phạm trù ngữ pháp, trong đó có phạm trù thời của động từ của tiếng Nga, cũng như các quan điểm về phạm trù ngữ pháp của động từ tiếng Việt, chúng tôi tiến hành khảo sát trong các tác phẩm văn học hiện đại, được dịch từ tiếng Nga sang tiếng Việt để tìm ra các nét tương đồng và khác biệt trong các cách biểu thị ý nghĩa ngữ pháp của động từ trong hai thứ tiếng. Từ đó, nghiên cứu này xác định rõ các cách diễn đạt ý nghĩa phạm trù thời của động từ tiếng Nga trong tiếng Việt.

3.2. Phương pháp nghiên cứu cụ thể

Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: *Phương pháp miêu tả*, phương pháp này được dùng để trình bày một cách hệ thống các đặc điểm ngữ pháp của động từ tiếng Nga và của tiếng Việt, đặc biệt là các phạm trù thời của động từ tiếng Nga và cách diễn đạt tương đương trong tiếng Việt; *Phương pháp phân tích – tổng hợp*, phương pháp này được dùng để xác định cách thức chuyển dịch phạm trù thời của động từ tiếng Nga sang tiếng Việt trên cơ sở khảo sát các văn bản được dịch từ tiếng Nga sang tiếng Việt; *Phương pháp so sánh đối chiếu*, phương pháp này được dùng để tìm ra những điểm tương đồng và dị biệt giữa phạm trù thời của động từ tiếng Nga so với các cách diễn đạt ý nghĩa tương tự trong tiếng Việt.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Các cách diễn đạt ý nghĩa tương tự phạm trù thời hiện tại của động từ tiếng Nga trong tiếng Việt

Qua khảo sát chúng tôi thấy, những đặc điểm vừa nêu trên về phạm trù *thời hiện tại* của động từ tiếng Nga đã được thể hiện theo nhiều cách thức khác nhau khi chuyển tải sang tiếng Việt.

4.1.1. Sử dụng từ, tổ hợp từ biểu thị mốc thời gian hiện tại kết hợp với các phụ từ

Ví dụ:

- *Я никогда не напоминала вам о дружбе моего отца к вам. Но теперь, я Богом заклинаю вас, сделайте это для моего сына, и я буду считать вас благодетелем, — торопливо прибавила она (Л. Н. Толстой, Война и мир Кн.1, с. 10).*

Tôi chưa bao giờ nhắc công tước nhớ lại tình bạn của cha tôi đối với ngài, - Bà ta hấp tấp nói thêm: - nhưng bây giờ tôi cầu xin ngài, vì chúa, ngài giúp cho con tôi việc này, và tôi sẽ xin coi ngài như đấng ân nhân (Chiến tranh và hòa bình – Cao Xuân Hạo và các dịch giả khác. T1. tr. 109)

Ở đây không khó để nhận biết động từ *заклинаю* trong câu tiếng Nga được dùng để biểu thị một hành động đang diễn ra tại thời điểm nói nhờ dựa vào dạng thức thì hiện tại của động từ này.

Còn đối với động từ *cầu xin* trong câu dịch sang tiếng Việt, mặc dù không có dạng thức thì hiện tại tương ứng với động từ tiếng Nga nhưng nó cũng đã chuyển tải được ý nghĩa tương tự về thì hiện tại của động từ này nhờ có sự trợ giúp của từ *bây giờ*, nhờ trạng từ này mà người đọc hiểu rằng, hành động được biểu thị bằng động từ *cầu xin* đang diễn ra tại thời điểm của lời nói.

4.1.2. Sử dụng ngữ cảnh có yếu tố chỉ thời gian hiện tại

Ví dụ:

— *Во, Мутруи, живым люди... (М. Шолохов, Тихий Дон, Кн.1, с. 25).*

— *Chà, Mitca, người ta sống thế này đây (Sông Đông êm đềm - Nguyễn Thụy Ứng dịch T.1, tr. 29)*

Xét câu tiếng Nga chúng ta thấy, động từ *живым* có dạng thức thì hiện tại và được dùng để diễn tả một hành động xảy ra tại thời điểm của lời nói.

Trong khi đó, trong câu dịch sang tiếng Việt, mặc dù động từ *sống* không có dạng thức thì hiện tại như trong tiếng Nga nhưng cũng diễn đạt được ý nghĩa phạm trù tương tự. Sở dĩ như vậy là vì khi xét động từ *sống* trong tổ hợp từ *người ta sống thế này đây* chúng ta thấy, trong tổ hợp từ này có tập hợp từ *thế này đây*, đặc biệt là phụ từ *đây*. Nhờ phụ từ này mà hành động được biểu hiện bằng động từ *sống* trong trường hợp này được hiểu là hành động đang diễn ra tại thời điểm của lời nói.

4.2. Các cách diễn đạt ý nghĩa tương tự phạm trù thời quá khứ của động từ tiếng Nga trong tiếng Việt

Kết quả khảo sát cho thấy, những điểm khái quát vừa nêu về phạm trù thời quá khứ của động từ tiếng Nga đã được thể hiện theo nhiều cách thức khác nhau trong tiếng Việt.

4.2.1. Sử dụng từ, tổ hợp từ biểu thị mốc thời gian trong quá khứ

Ví dụ:

Он неделю тому назад написал ей решительное письмо, в котором признавал себя виновным. (Л. Н. Толстой, Воскресение, с. 15)

Trước đây một tuần chàng đã viết cho chị ta một bức thư dứt khoát, trong đó nhận lỗi về phía mình (Phục sinh – Vũ Đình Phòng, Phùng Ưông dịch, tr. 27)

Trong ví dụ trên chúng ta không khó để nhận biết động từ **написал** diễn tả một hành động đã xảy ra trước thời điểm nói vì động từ này có dạng thức thì quá khứ.

Trong khi đó, mặc dù không có dạng thức thì quá khứ nhưng động từ **viết** trong câu dịch sang tiếng Việt cũng cho thấy hành động này đã diễn ra trước thời điểm của lời nói. Sở dĩ như vậy là vì trong câu vừa nêu có cụm từ chỉ mốc thời gian cụ thể, đó là **Trước đây một tuần**. Cụm từ này được hiểu là một thời điểm trong quá khứ. Bên cạnh đó, động từ này còn có phụ từ **đã** đi kèm. Phụ từ này được xem như một trong chỉ tố bổ sung ý nghĩa thì quá khứ của động từ.

4.2.2. Sử dụng bối cảnh có yếu tố biểu thị thời gian trong quá khứ

Trường hợp này được hiểu, trong ngữ cảnh của động từ đang xét đã có một hành động hoặc trạng thái đã diễn ra trong quá khứ làm bối cảnh cho hành động này.

Ví dụ sau đây là một minh họa cho trường hợp vừa nêu:

5 мая Круг был распущен. Отзвучали последние речи (М. Шолохов, Тихий Дон, Кн.3, с. 20).

Ngày mồng năm tháng Năm, Cơ- rúc giải tán. Mấy bài diễn văn cuối cùng đã được phát biểu nốt. (Sông Đông êm đềm - Nguyễn Thụy Ứng dịch T.3, tr. 25)

Trong hai câu tiếng Nga, cả đoạn động tính từ **был распущен** lẫn động từ **Отзвучали** đều biểu thị các hành động và trạng thái xảy ra trong quá khứ bởi vì chúng đều có dạng thức thời quá khứ.

Cũng tương tự như trong tiếng Nga, trong hai câu dịch sang tiếng Việt, hai động từ **giải tán** và **phát biểu** đã diễn tả được ý nghĩa thì quá khứ của các động tiếng Nga. Điều này được giải thích bởi mối quan hệ giữa hai câu có chứa hai động từ vừa nêu. Trong hai câu này, câu trước có nội dung ngữ nghĩa làm bối cảnh cho hành động của câu sau diễn ra. Xét câu trước chúng ta thấy, động từ **giải tán** được xác định là hành động xảy ra trong quá khứ vì trong câu này có chứa cụm từ *Ngày mồng năm tháng Năm*. Cụm từ này, như trên đã nói tới, là cụm từ chỉ mốc thời gian cụ thể trong quá khứ. Câu này làm bối cảnh cho hành động của câu tiếp theo cho nên động từ **phát biểu** trong câu tiếp theo cũng được xem là hành động xảy ra trong quá khứ. Bên cạnh đó, như đã nói ở ví dụ trước, động từ **phát biểu** còn có phụ từ **đã** đi kèm.

4.3. Các cách diễn đạt ý nghĩa tương tự phạm trù thời tương lai của động từ tiếng Nga trong tiếng Việt

Kết quả khảo sát cho thấy, những điểm khái quát vừa nêu về phạm trù thời tương lai của động từ tiếng Nga sẽ được biểu hiện theo nhiều cách thức khác nhau trong tiếng Việt. Cũng xin nói thêm rằng, mặc dù trong tiếng Nga có sự phân biệt về cách biểu thị dạng thức giữa thì tương lai đơn và tương lai phức nhưng trong tiếng Việt, vì phạm trù thể của động từ chưa được xác định rõ ràng nên việc phân biệt nói trên không được xem xét ở đây. Điều chúng tôi quan tâm ở đây là bằng cách thức nào để có thể chuyển tải được ý nghĩa tương tự về phạm trù thời tương lai của động từ tiếng Nga sang tiếng Việt. Sau đây là một số cách thức đã được thực hiện:

4.3.1. Sử dụng các từ ngữ chỉ thời gian xác định trong tương lai kết hợp với phụ từ bổ sung ý nghĩa thì tương lai của động từ.

Ví dụ:

*Фронт завтра **расползется**, а через две недели мы **будем** уже в Новочеркасске (М. Шолохов, Тихий Дон, Кн.3, с. 84).*

*Ngày mai mặt trận sẽ vỡ và chỉ hai tuần nữa chúng ta sẽ có **mặt** ở Novocherkask. (Sông Đông êm đềm - Nguyễn Thụy Ứng dịch T.3, tr. 154).*

Trong ví dụ trên chúng ta thấy, trong tiếng Nga hai động từ *расползется* và *будем* biểu thị các hành động hoặc trạng thái sẽ diễn ra sau thời điểm nói bởi chúng đều có dạng thức của thì tương lai như đã trình bày ở trên. Trong câu dịch sang tiếng Việt, hai động từ *vỡ* và *có mặt* cũng biểu hiện được ý nghĩa tương tự về phạm trù thời tương lai của các động từ tiếng Nga. Điều này được xác định nhờ có sự xuất hiện của các từ ngữ *ngày mai*, *hai tuần nữa* kết hợp với phụ từ *sẽ* bổ sung ý nghĩa thời tương lai.

4.3.2. Sử dụng bối cảnh có yếu tố chỉ thời gian trong tương lai

Qua khảo sát chúng tôi thấy, trong một số trường hợp cần phải dựa vào ngữ cảnh để xác định ý nghĩa thì tương lai của động từ. Sau đây là một số trường hợp như vậy:

*Верь, что тотчас после войны, ежели я **буду жив** и все **любим** тобою, я **брошусь** все и **прилечу** к тебе, чтобы прижать тебя уже навсегда к моей пламенной груди. (Л. Н. Толстой, Война и мир Кн.3, с. 57)*

*Em hãy tin rằng ngay sau chiến tranh, nếu anh còn **sống** và vẫn được **yêu** em, anh sẽ **vứt bỏ** tất cả và sẽ **bay về** với em để vĩnh viễn xiết chặt em vào lồng ngực bốc lửa của anh (Chiến tranh và hòa bình – Cao Xuân Hạo và các dịch giả khác. T.3. tr. 76)*

Xét câu tiếng Nga chúng ta thấy các động từ *буду жив*, *любим*, *брошусь*, *прилечу* đều có dạng thức thì tương lai của các động từ này và được dùng để biểu thị các trạng thái hoặc hành động sẽ xảy ra sau thời điểm của lời nói.

Còn đối với câu tiếng Việt, chúng ta thấy cụm từ *ngay sau chiến tranh...* là dấu hiệu cho thấy các trạng thái hoặc hành động *sống*, *yêu*, *vứt bỏ* và *bay về* còn chưa xảy ra tại thời điểm nói. Hay nói các khác, các trạng thái và hành động này chỉ xảy ra trong tương lai khi chiến tranh kết thúc. Bên cạnh đó, trong câu còn xuất hiện phụ từ *sẽ* như một chỉ tố bổ sung về ý

nghĩa thì tương lai của động từ. Như vậy có thể nói rằng, các động từ *sống, yêu, vứt bỏ* và *bay về* đã chuyển tải được ý nghĩa tương tự về thì tương lai của các động từ tiếng Nga tương ứng.

5. Kết luận

Từ kết quả khảo sát và phân tích trên, nghiên cứu này đi đến kết luận: Tiếng Nga là ngôn ngữ thuộc loại hình *khuất chiết*. Động từ tiếng Nga có hầu hết các phạm trù ngữ pháp phổ biến, trong đó có phạm trù thời. Cũng như hầu hết các ngôn ngữ khác, phạm trù thời của động từ bao gồm: *thời hiện tại, thời quá khứ* và *thời tương lai*. Để biểu thị ý nghĩa phạm trù thời, tiếng Nga sử dụng các dạng thức thì của động từ.

Trong khi đó, Tiếng Việt là ngôn ngữ thuộc loại hình đơn lập. Các phạm trù ngữ pháp, trong đó có phạm trù thời của động từ chưa được xác định rõ ràng, còn có nhiều ý kiến trái chiều. Trong tiếng Việt không có các dạng thức thì của động từ. Để chuyển tải các ý nghĩa tương tự về phạm trù thời của động từ tiếng Nga, tiếng Việt sử dụng phương thức khác nhau, trong đó có hai phương thức chủ yếu sau: Sử dụng các từ, ngữ chỉ mốc thời gian kết hợp với các phụ từ làm từ chúng bổ sung ý nghĩa về thời. *Sử dụng các ngữ cảnh, bối cảnh có yếu tố chỉ thời gian tương ứng.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thiện Giáp (1998), *Dẫn luận ngôn ngữ*, NXB Giáo dục.
2. Bùi Hiền (2001), *Từ điển giáo khoa Nga – Việt*, NXB Giáo dục.
3. Bùi Mạnh Hùng (2008), *Ngôn ngữ học đối chiếu*, NXB Giáo dục, TP HCM.
4. Hoàng Phê (2000), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng.
5. Nguyễn Kim Thành (1999), *Động từ trong tiếng Việt*, NXB Khoa học Xã hội.
6. Lê Quang Thiêm (2004), *Nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ*, NXB ĐHQG Hà Nội.
7. Глебова И. И. и Ву Лок (1992), *Вьетнамско-русский словарь*, Изд. «Русский язык», М.
8. Лукин М.Ф. (1973), *Морфология Современного Русского Языка*, Изд. «Просвещение», Москва.
9. Ожегова С. И. (1981), *Словарь русского языка*, Изд. «Русский язык», М.
10. Попов Р. Н. Валькова Д. П. и другие (1986), *Современный Русский Язык*, Изд. «Просвещение», Москва.
11. Толстой Л. Н., (1936) *Воскресение*, Изд. «Художественная литература», М (*Phục sinh* – Bản dịch của Vũ Đình Phòng và Phùng Ưông, Nhà xuất bản Văn học, 2012).
12. Толстой Л. Н., (1978) *Война и мир*, Изд. «Художественная литература» (*Chiến tranh và hòa bình* – Bản dịch của Cao Xuân Hạo, Nhữ Thành, Hoàng Thiếu Sơn và Trường Xuyên, Nhà Xuất bản Văn học, 1976).
13. Шолохов. М. (1978), *Тихий Дон*, Изд. «Советская Россия», М (*Sông Đông êm đềm* – Bản dịch của Nguyễn Thụy Ứng, Nhà xuất bản Hội Nhà Văn, Hà Nội, 2000)